

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP
DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười năm ngày 12 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, Tòa Nhà CT10 - 11 Khu Đô Thị Mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà : Khúc Thị Thanh Huyền	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông: Bùi Văn Phú	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông: Bùi Văn Phú	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông: Đỗ Duy Điền	Thành viên	
Ông: Trần Ngọc Bẩy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông: Trần Huy Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông: Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông: Nguyễn Khoa Điền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Duy Điền	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Bà : Khúc Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 20/09/2016)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà : Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Bà : Khúc Thị Thanh Trâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Bà : Trương Thị Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Bà : Vũ Thị Hương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông: Vũ Xuân Dương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Bà : Ngô Thị Minh Nguyệt	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/06/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đỗ Duy Điền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 08 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ - "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác", đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng góp vốn và thỏa thuận nhận đặt cọc với khách hàng cho Dự án Văn Phú với tổng số tiền đã thu từ các khách hàng là 192.823.892.972 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện phát hành hóa đơn giá trị gia tăng để hạch toán và kê khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu ra và kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định về thuế hiện hành. Điều này đã dẫn đến việc Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán từ chối đối với Báo cáo tài chính. Các số liệu về đặt cọc của Dự án trên tại ngày 30/06/2017 là 192.823.892.972 đồng, Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các khoản thu này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của một cuộc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ nhưng vẫn chưa thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017.
- Tại thời điểm 31/12/2016 và 30/06/2017, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (Bình An) với giá trị là 205.082.444.751 đồng. Điều này dẫn đến việc Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán từ chối đối với Báo cáo tài chính. Số liệu trên tiếp tục được lũy kế đến thời điểm 30/06/2017, với các bằng chứng thu thập được, chúng tôi không thể đưa ra được tính đúng đắn của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Bình An ngày 30/06/2017 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH) và Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR).

Chúng tôi không xác định được liệu các cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông của Công ty Bình An đã góp đủ vốn chưa (Theo quy định tại Điều 23 - Nghị định số 102/2010/NĐ - CP ngày 01/10/2010 về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của luật doanh nghiệp thì: trường hợp có cổ đông không thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ khi công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác; Và cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán, không được quyền chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác). Do đó chúng tôi chưa xác định được tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An đang được theo dõi trên sổ kế toán tại ngày 31/12/2016 và ngày 30/06/2017 là 205.082.444.751 đồng, cũng như xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính này.

- Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa thể đánh giá một cách chính xác hiệu quả đầu tư của Dự án CT10-11 Văn Phú do các thông số tính toán theo thị trường tại thời điểm hiện tại chưa đầy đủ và có thể còn biến động. Theo đó, Công ty chưa xác định và trích lập bất cứ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào đối với chi phí dở dang của Dự án này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá được số liệu cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và kết quả kinh doanh từ năm 2016 về trước như thế nào. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Các khoản đầu tư tài chính, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Cụ thể, khoản đầu tư tài chính chưa được đối chiếu, xác nhận tại ngày 30/06/2017 là: 253,9 tỷ; nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 30/06/2017 là 36,8 tỷ đồng; nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 30/06/2017 là 516,7 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để có thể xác định liệu có phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Đồng thời, chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng về việc liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi hay không.
- Theo Hợp đồng ngày 22 tháng 04 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư NNP về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại "Khu đô thị mới Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội", với số tiền: 51,0 tỷ. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng, ghi nhận doanh thu, giá vốn và thực hiện các nghĩa vụ thuế có liên quan (tại Thuyết minh số 19). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng để xác định được chính xác doanh thu, giá vốn và các nghĩa vụ thuế có liên quan cần điều chỉnh trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.
- Các khoản đầu tư vốn vào Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh với giá trị lần lượt là 21.350.000.000 đồng và 5.000.000.000 đồng. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 của các đơn vị này làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn này hay không.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		794.636.743.715	744.884.741.454
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	51.904.029.043	1.487.226.906
111	1. Tiền		364.029.043	447.226.906
112	2. Các khoản tương đương tiền		51.540.000.000	1.040.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	5.427.075.622	5.427.075.622
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5.427.075.622	5.427.075.622
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.321.506.625	24.036.175.225
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	92.300.000	806.468.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	22.631.769.238	22.632.269.238
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	14.075.677.387	14.075.677.387
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.478.240.000)	(13.478.240.000)
140	IV. Hàng tồn kho	09	693.431.199.139	693.393.686.667
141	1. Hàng tồn kho		693.431.199.139	693.393.686.667
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.552.933.286	20.540.577.034
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		20.327.775.752	20.315.419.500
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	225.157.534	225.157.534
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		250.158.268.277	251.684.244.014
220	II. Tài sản cố định		117.500.000	
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	-	
222	- Nguyên giá		2.217.347.586	2.217.347.586
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.217.347.586)	(2.217.347.586)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	117.500.000	-
228	- Nguyên giá		423.000.000	303.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(305.500.000)	(303.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.731.742.479	14.731.742.479
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	14.731.742.479	14.731.742.479
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	227.837.486.623	229.403.888.820
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.350.000.000	21.350.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		227.182.444.751	227.182.444.751
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(20.694.958.128)	(19.128.555.931)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.471.539.175	7.548.612.715
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.471.539.175	7.548.612.715
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.044.795.011.992	996.568.985.468

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		559.669.297.612	508.729.988.785
310	I. Nợ ngắn hạn		559.669.297.612	508.729.988.785
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	43.281.155.516	43.281.155.516
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	83.667.601.153	83.667.601.153
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.850.000	58.871.810
314	4. Phải trả người lao động		860.028.765	642.525.170
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	589.219.096	606.252.079
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	428.321.751.245	377.464.305.445
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	1.429.046.560	1.429.046.560
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.517.645.277	1.580.231.052
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		485.125.714.380	487.838.996.683
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	485.125.714.380	487.838.996.683
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		531.009.130.000	531.009.130.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		531.009.130.000	531.009.130.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.788.944.000	11.788.944.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(10.507.397.490)	(10.507.397.490)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10.687.396.552	10.687.396.552
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.378.477.974	4.378.477.974
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(62.230.836.656)	(59.517.554.353)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(59.517.554.353)	(47.622.911.431)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(2.713.282.303)	(11.894.642.922)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.044.795.011.992	996.568.985.468

Người lập biểu



Khúc Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Khúc Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Duy Điền

M.S.D.N. 050054737
Q. H

54
PH
DC
C
H
N

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26.902.099	341.557.020
22	7. Chi phí tài chính	22	1.566.497.490	56.250.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.329.686.912	12.081.892.610
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.869.282.303)	(11.796.585.590)
31	11. Thu nhập khác		156.000.000	7.160.000
40	13. Lợi nhuận khác		156.000.000	7.160.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.713.282.303)	(11.789.425.590)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.713.282.303)	(11.789.425.590)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(52)	(227)

Người lập biểu



Khúc Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Khúc Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Duy Điền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(2.713.282.303)	(11.789.425.590)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.542.000.098	9.614.692.980
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.500.000	-
03	- Các khoản dự phòng		1.566.402.197	9.956.250.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.902.099)	(341.557.020)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.171.282.205)	(2.174.732.610)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		702.312.348	2.119.717.124
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(37.512.472)	(3.815.058.244)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		51.001.894.602	8.402.004
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		77.073.540	(246.145.834)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(480.555.556)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(62.585.775)	(443.677.273)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		50.509.900.038	(5.032.050.389)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(120.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.902.099	341.557.020
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(93.097.901)	341.557.020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(3.569.444.444)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.667.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(3.571.111.894)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50.416.802.137	(8.261.605.263)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.487.226.906	11.911.102.910
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	51.904.029.043	3.649.497.647

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Khúc Thị Thanh Huyền

Khúc Thị Thanh Huyền

Đỗ Duy Điền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười năm ngày 12 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, Tòa Nhà CT10 - 11 Khu Đô Thị Mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: 531.009.130.000 đồng; tương đương 53.100.913 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh các công trình tòa nhà chung cư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị đối với các hoạt động xây lắp phụ thuộc vào thời gian thực hiện từng dự án (có thể kéo dài trên 12 tháng), đối với các hoạt động kinh doanh khác thì chu kỳ kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2017, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty chưa đem lại hiệu quả, bên cạnh đó các nguồn vốn để thực hiện các Dự án gặp khó khăn dẫn đến một số Dự án của Công ty bị chậm tiến độ so với kế hoạch xây dựng ban đầu làm cho Công ty lỗ liên tục trong nhiều năm, dòng tiền âm và nhiều khoản công nợ quá hạn.... Trước những khó khăn như trên, Công ty đã bắt đầu thực hiện tái cơ cấu lại bộ máy, tập trung bố trí các nguồn lực để đẩy nhanh xây dựng Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông nhằm lấy lại uy tín của khách hàng và hình ảnh của Công ty. Đối với các Dự án ít khả thi, Công ty đang nghiên cứu các phương án nhằm thực hiện chuyển nhượng lại dự án bao gồm: Dự án Tân Viên.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tại đơn vị là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí phát sinh theo từng công trình chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 năm |

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Đối với chi phí bán hàng liên quan đến Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông, được tập hợp trên khoản mục chi phí trả trước và được kết chuyển vào kết quả sản xuất kinh doanh khi dự án hoàn thành và bàn giao cho khách hàng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán năm được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi vay, chi phí kiểm toán, chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

1110
 ĐỒNG TH
 HIỆN HỮ
 KIỂM T
 ASC
 TEM - TP

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.854.431	125.954.836
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	362.174.612	321.272.070
Các khoản tương đương tiền (ii)	51.540.000.000	1.040.000.000
	51.904.029.043	1.487.226.906

(i),(ii) Tại ngày 30/06/2017: Khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số dư lần lượt là: 195.036.586 đồng và 1.040.000.000 đồng đang bị phong tỏa do có cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014 là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân Hàng Nhà Nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 ngày 30/06/2017 là không trọng yếu. Theo đó, Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 30/06/2017;

Ngoài ra, các khoản tương đương tiền còn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 50,5 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt với lãi suất 5,2%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu						
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục</i>	5.427.075.622	6.500.800.000	-	5.427.075.622	5.812.480.000	-
	5.427.075.622	6.500.800.000	-	5.427.075.622	5.812.480.000	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	21.350.000.000	(4.035.573.532)	21.350.000.000	(2.186.652.181)
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	21.350.000.000	(4.035.573.532)	21.350.000.000	(2.186.652.181)
Các khoản đầu tư khác	227.182.444.751	(16.659.384.596)	227.182.444.751	(16.941.903.750)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	12.000.000.000	(9.120.000.000)	12.000.000.000	(9.600.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	5.100.000.000	(4.029.000.000)	5.100.000.000	(4.233.000.000)
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (i)	5.000.000.000	(3.510.384.596)	5.000.000.000	(3.108.903.750)
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	205.082.444.751	-	205.082.444.751	-
	248.532.444.751	(20.694.958.128)	248.532.444.751	(19.128.555.931)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh tại thời điểm 30/06/2017 được trích lập theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	22%	22%	Đầu tư kinh doanh và khai thác bất động sản

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	Hồ Chí Minh	1,45%	1,45%	Xây dựng công trình dân dụng
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Hà Nội	1,37%	1,37%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	Thanh Hóa	2,63%	2,63%	Kinh doanh khách sạn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An	Hà Nội	19,50%	19,50%	Đầu tư xây dựng

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết kế Heerim - PVC	92.300.000	92.300.000
- Ông Lê Hữu Sơn	-	464.670.600
- Ông Nguyễn Xuân Triều	-	249.498.000
	92.300.000	806.468.600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Trung tâm Giao dịch Đất đai và Phát triển quỹ đất Hà Nội	1.278.263.456	-	1.278.263.456	-
- Ban điều hành các Dự án của PVC tại Hà Nội	9.475.374.339	-	9.475.374.339	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	6.114.446.393	-	6.114.446.393	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	3.763.685.050	-	3.764.185.050	-
	22.631.769.238	-	22.632.269.238	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư NNP	652.565.191	-	652.565.191	-
- Phải thu Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng về việc hoàn tiền đã nộp do hủy hợp đồng mua nhà	3.485.940.000	(3.485.940.000)	3.485.940.000	(3.485.940.000)
- Phải thu ông Phạm Quốc Anh về tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.900.000.000	(9.900.000.000)	9.900.000.000	(9.900.000.000)
- Phải thu khác	37.172.196	-	37.172.196	-
	14.075.677.387	(13.385.940.000)	14.075.677.387	(13.385.940.000)

8. NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ Phần Thiết kế Heerim - PVC	92.300.000	-	92.300.000	-
- Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng	3.485.940.000	-	3.485.940.000	-
- Phải thu ông Phạm Quốc Anh	9.900.000.000	-	9.900.000.000	-
	13.478.240.000	-	13.478.240.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông	652.276.465.211	-	652.238.952.739	-
- Dự án tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 Việt Hưng - lô chung	41.154.733.928	-	41.154.733.928	-
	693.431.199.139	-	693.393.686.667	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên (i)	14.731.742.479	14.731.742.479
	14.731.742.479	14.731.742.479

(i) Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên, Ba Vì, Hà Nội đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Chi phí phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn lập quy hoạch xây dựng, cung cấp bản đồ địa hình, chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công,.... Ngày 12 tháng 03 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị Quyết giao cho Ban Giám đốc Công ty tìm kiếm đối tác để thực hiện các thủ tục pháp lý để thoái vốn hoặc ký hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư. Tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2017 các công việc này vẫn đang được Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục triển khai.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.554.894.000	662.453.586	2.217.347.586
Số dư cuối kỳ	1.554.894.000	662.453.586	2.217.347.586

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ 1.554.894.000 662.453.586 2.217.347.586

Số dư cuối kỳ

1.554.894.000 662.453.586 2.217.347.586

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu kỳ

- - -

Tại ngày cuối kỳ

- - -

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.217.347.586 VND

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 là giá trị phần mềm máy tính có nguyên giá là 303.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2017 là 303.000.000 đồng và giá trị Website Công ty có nguyên giá là 120.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2017 là 2.500.000 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	134.694.229	211.767.769
- Chi phí bán hàng cho dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông	7.336.844.946	7.336.844.946
	7.471.539.175	7.548.612.715

1001
TRÁCH
HẠN
1/10

1/10/17
HÀ ĐÔNG
CỔ PHẦN

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình	1.429.046.560	1.429.046.560	-		1.429.046.560	1.429.046.560
	1.429.046.560	1.429.046.560	-	-	1.429.046.560	1.429.046.560

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 10/HĐ/2015/PVCR-HD ngày 15/04/2015 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình kèm phụ lục Hợp đồng vay tiền số 01-10/HĐ/2015/PVCR-10 ngày 08/06/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Thanh toán cho các nhà thầu đã thi công các hạng mục của Dự án tòa nhà chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10 - 11 Văn Phú, Hà Đông;
- + Thời gian vay: Từ ngày 20/04/2015 đến ngày 31/12/2016, đến thời điểm 30/06/2017 Hợp đồng này chưa được gia hạn;
- + Lãi suất cho vay: Từ ngày 20/04/2015 đến 31/07/2016 tính 5%/ năm. Từ ngày 01/08/2016 áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần từng thời điểm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 1.429.046.560 đồng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang	428.806.000	428.806.000	428.806.000	428.806.000
- Phải trả các đối tượng khác	321.449.867	321.449.867	321.449.867	321.449.867
	43.281.155.516	43.281.155.516	43.281.155.516	43.281.155.516

Ghi chú: Toàn bộ số dư phải trả người bán của Công ty tại ngày 01/01/2017 và 30/06/2017 đều đã quá hạn thanh toán.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Khách hàng mua căn hộ tại Dự án Văn Phú	82.463.097.853	82.463.097.853
- Khách hàng mua Dự án Hạ Long	1.204.503.300	1.204.503.300
	83.667.601.153	83.667.601.153

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	225.157.534	-	-	-	225.157.534	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	58.871.810	13.302.074	69.323.884	-	2.850.000
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	225.157.534	58.871.810	17.302.074	73.323.884	225.157.534	2.850.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	43.764.551	6.252.079
- Chi phí khác	545.454.545	600.000.000
	589.219.096	606.252.079

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	15.247.356	13.525.856
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú	192.823.892.972	192.823.892.972
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Việt Hưng	-	144.620.000
- Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho một số cổ đông	18.488.893.400	18.488.893.400
- Phải trả Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI)	18.000.000.000	18.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An về việc kế thừa nghĩa vụ khi chuyển nhượng cổ phần với Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	105.872.468.579	105.872.468.579
- Phải trả Công ty CP Tập đoàn Đại Dương về tiền nhận đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng 5 tầng khối đế của Dự án CT10 -11 Văn Phú Hà Đông theo Hợp đồng đặt cọc số 15/2013/HĐĐC/OGC-PVR ngày 28/03/2013.	40.017.888.881	40.017.888.881
- Nhận tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Lô CT 15 Khu đô thị mới Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội	51.000.000.000	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	2.103.360.057	2.103.015.757
	428.321.751.245	377.464.305.445

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(47.622.911.431)	499.733.639.605
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(11.789.425.590)	(11.789.425.590)
Số dư cuối kỳ trước	<u>531.009.130.000</u>	<u>11.788.944.000</u>	<u>(10.507.397.490)</u>	<u>4.378.477.974</u>	<u>10.687.396.552</u>	<u>(59.412.337.021)</u>	<u>487.944.214.015</u>
Số dư đầu năm nay	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(59.517.554.353)	487.838.996.683
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(2.713.282.303)	(2.713.282.303)
Số dư cuối kỳ này	<u>531.009.130.000</u>	<u>11.788.944.000</u>	<u>(10.507.397.490)</u>	<u>4.378.477.974</u>	<u>10.687.396.552</u>	<u>(62.230.836.656)</u>	<u>485.125.714.380</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	50.427.000.000	9,50%	50.427.000.000	9,50%
- Công ty TNHH VNT	81.519.800.000	15,35%	81.519.800.000	15,35%
- Công ty Cổ phần quản lý quỹ PVI	43.500.000.000	8,19%	43.500.000.000	8,19%
- Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	30.000.000.000	5,65%	43.500.000.000	8,19%
- Ông Trần Ngọc Bấy	124.831.000.000	23,51%	124.831.000.000	23,51%
- Cổ đông khác	188.789.330.000	35,55%	175.289.330.000	33,01%
- Cổ phiếu quỹ	11.942.000.000	2,25%	11.942.000.000	2,25%
	531.009.130.000	100%	531.009.130.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	531.009.130.000	531.009.130.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	531.009.130.000	531.009.130.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.100.913	53.100.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.100.913	53.100.913
- Cổ phiếu phổ thông	53.100.913	53.100.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.194.200	1.194.200
- Cổ phiếu phổ thông	1.194.200	1.194.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.906.713	51.906.713
- Cổ phiếu phổ thông	51.906.713	51.906.713
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.687.396.552	10.687.396.552
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.378.477.974	4.378.477.974
	15.065.874.526	15.065.874.526

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.902.099	86.307.020
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	255.250.000
	26.902.099	341.557.020

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.566.402.197	56.250.000
Chi phí tài chính khác	95.293	-
	1.566.497.490	56.250.000

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.191.492	11.798.636
Chi phí nhân công	962.775.240	1.270.107.226
Chi phí dự phòng	-	9.900.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	284.920.423	557.889.737
Chi phí khác bằng tiền	71.799.757	342.097.011
	1.329.686.912	12.081.892.610

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(2.713.282.303)	(11.789.425.590)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.713.282.303)	(11.789.425.590)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

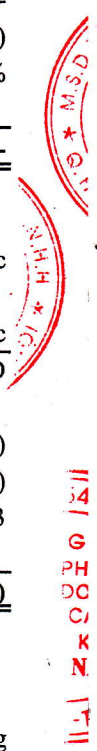
25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(2.713.282.303)	(11.789.425.590)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.713.282.303)	(11.789.425.590)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	51.906.713	51.906.713
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(52)	(227)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị không sản xuất kinh doanh trong kỳ này và kỳ trước, chi phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp nên Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.



27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.904.029.043	-	1.487.226.906	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.167.977.387	(13.478.240.000)	14.882.145.987	(13.478.240.000)
Đầu tư ngắn hạn	5.427.075.622	-	5.427.075.622	-
Đầu tư dài hạn	227.182.444.751	(16.659.384.596)	227.182.444.751	(16.941.903.750)
	298.681.526.803	(30.137.624.596)	248.978.893.266	(30.420.143.750)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.429.046.560	1.429.046.560
Phải trả người bán, phải trả khác	471.602.906.761	420.745.460.961
Chi phí phải trả	589.219.096	606.252.079
	473.621.172.417	422.780.759.600

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2017	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	5.427.075.622	-	-	5.427.075.622
Đầu tư dài hạn	-	210.523.060.155	-	210.523.060.155
	5.427.075.622	210.523.060.155	-	215.950.135.777
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	5.427.075.622	-	-	5.427.075.622
Đầu tư dài hạn	-	210.240.541.001	-	210.240.541.001
	5.427.075.622	210.240.541.001	-	215.667.616.623

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2017	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.904.029.043	-	-	51.904.029.043
Phải thu khách hàng, phải thu khác	689.737.387	-	-	689.737.387
	52.593.766.430	-	-	52.593.766.430
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.487.226.906	-	-	1.487.226.906
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.403.905.987	-	-	1.403.905.987
	2.891.132.893	-	-	2.891.132.893

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2017	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	1.429.046.560	-	-	1.429.046.560
Phải trả người bán, phải trả khác	471.602.906.761	-	-	471.602.906.761
Chi phí phải trả	589.219.096	-	-	589.219.096
	473.621.172.417	-	-	473.621.172.417
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	1.429.046.560	-	-	1.429.046.560
Phải trả người bán, phải trả khác	420.745.460.961	-	-	420.745.460.961
Chi phí phải trả	606.252.079	-	-	606.252.079
	422.780.759.600	-	-	422.780.759.600

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng (i)	1.235.036.586	1.211.689.941

(i) Tại ngày 30/06/2017: Khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số dư lần lượt là: 195.036.586 đồng và 1.040.000.000 đồng đang bị phong tỏa do có cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014 là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân Hàng Nhà Nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 là không trọng yếu. Theo đó, Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và Công ty đang trong quá trình đầu tư Dự án chưa có Doanh thu nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	456.862.500	469.477.815

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc

Khúc Thị Thanh Huyền

Khúc Thị Thanh Huyền

Đỗ Duy Điền